| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập- Tự do- Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Văn Ngoan;

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài.

*Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Công Bình.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên toà*: Bà Trần Thị Hoài Trinh.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐST-DS ngày 13/9/2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng N1 và PTNNVN "V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án").

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023). Ông V1 có mặt

*2. Bị đơn*: Ông Phan Văn M, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn T, xã

B, tỉnh Quảng Ngãi) (vắng mặt không lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A) trình bày:*

Ngày 05/08/2022, A ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV202201139 với ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C để vay vốn với hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn). Trên cơ sở hợp đồng này, các bên đã thực hiện hai giấy nhận nợ:

Giấy nhận nợ số 4509LDS202201200 ngày 05/08/2022: vay 40.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/08/2022, mục đích vay: mua keo. Đến ngày 30/9/2025, dư nợ gốc là 32.000.000 đồng, nợ lãi là 2.589.765 đồng (lãi quá hạn). Khoản vay này hiện đã chuyển sang nợ xấu.

Giấy nhận nợ số 4509LDS202300791 ngày 26/05/2023: vay 60.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 26/05/2023, mục đích vay: mua bò. Đến ngày 30/9/2025, dư nợ gốc là 59.000.000 đồng, nợ lãi là 5.825.052 đồng (lãi quá hạn). Khoản vay này cũng đã chuyển sang nợ xấu.

Về biện pháp bảo đảm: Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm, được thực hiện theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ.

Về vi phạm nghĩa vụ: Đến hết ngày 30/9/2025, ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C còn nợ A tổng số tiền 99.414.817 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 91.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.414.817 đồng.

A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông M và bà C thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng ông bà chỉ hứa hẹn mà không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng cũng như các biên bản làm việc với ngân hàng. Do đó, A yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi giải quyết:

Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C phải trả cho A số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 99.414.817 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 91.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.414.817 đồng.

Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

4509LAV202201139, kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và lãi cho A.

Ngoài ra, A đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Bị đơn ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C*: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, bị đơn cố tình vắng mặt, không cung cấp bản tự khai, không tham gia phiên tòa, không đưa ra bất kỳ ý kiến phản bác nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.** Do đó, Tòa án không có căn cứ ghi nhận lời khai của bị đơn.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

**Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nội dung:** Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202201139 ngày 05/08/2022 cùng các Giấy nhận nợ kèm theo và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C đã vay A Chi nhánh huyện B số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2025 là 99.414.817 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 91.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.414.817 đồng.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – A Chi nhánh huyện B.

Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C phải trả cho A số tiền 99.414.817 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 91.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.414.817 đồng.

Buộc bị đơn tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả, kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả xong, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh giữa Ngân hàng N (A) – Chi nhánh huyện B với ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 05/08/2022, A và ông M, bà C ký kết Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202201139 với hạn mức vay 100.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, ông M và bà C đã ký 02 Giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ số 4509LDS202201200 ngày 05/08/2022 vay 40.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số 4509LDS202300791 ngày 26/05/2023 vay 60.000.000 đồng. Việc giao kết hợp đồng và giải ngân được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán: Đến ngày 30/9/2025, ông M và bà C còn nợ A số tiền 99.414.817 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 91.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.414.817 đồng. Việc chậm thanh toán là hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu của A buộc ông M và bà C trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi suất sau ngày 30/9/2025: Các bên đã thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng tín dụng là 10%/năm và 11,5%/năm cho từng giấy nhận nợ, phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, kể từ ngày 01/10/2025, ông M và bà C còn phải tiếp tục

thanh toán lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

[6] Về ý kiến của Viện kiểm sát: Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần được ghi nhận.

[7] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp có giá ngạch là 5% giá trị nghĩa vụ phải thực hiện. Giá trị nghĩa vụ trong vụ án này là 99.414.817 đồng, án phí bị đơn phải chịu là 4.970.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017);Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A).

2. Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho A số tiền 99.414.817 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 91.000.000 đồng; Nợ lãi: 8.414.817 đồng.

3. Kể từ ngày 01/10/2025, ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục thanh toán lãi trên số nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV202201139, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi.

4. Về án phí: Ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị C phải liên đới chịu 4.970.000 đồng (Bốn triệu chín trăm bảy mươi lắm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí. Hoàn trả cho A thông qua người đại diện ông Nguyễn Thế V1 số tiền 2.556.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001605 ngày 22/4/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thỏa thuận, yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Ngoan**